

CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐOÀN GIA
CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH TẬP ĐOÀN THƯƠNG MẠI QUỐC TẾ ĐOÀN GIA

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: DOAN GIA INTERNATIONAL TRADING GROUP COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: DOAN GIA TRADING CO., LTD

2. Mã số doanh nghiệp: 0110886077

3. Ngày thành lập: 11/11/2024

4. Địa chỉ trụ sở chính:

Ô 46 Lô B2, Khu Đô thị mới Đại Kim – Định Công, Phường Đại Kim, Quận Hoàng Mai, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0936138679

Fax:

Email:

Website:

5. Ngành, nghề kinh doanh:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Xây dựng nhà để ở	4101
2.	Xây dựng nhà không để ở	4102
3.	Xây dựng công trình đường sắt	4211
4.	Xây dựng công trình đường bộ	4212
5.	Xây dựng công trình điện	4221
6.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
7.	Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc	4223
8.	Xây dựng công trình công ích khác	4229
9.	Xây dựng công trình thủy	4291
10.	Xây dựng công trình khai khoáng	4292
11.	Xây dựng công trình chế biến, chế tạo	4293
12.	Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác	4299
13.	Phá dỡ (trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4311
14.	Chuẩn bị mặt bằng (trừ hoạt động nổ bom, mìn)	4312
15.	Lắp đặt hệ thống điện	4321
16.	Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí	4322
17.	Lắp đặt hệ thống xây dựng khác	4329
18.	Hoàn thiện công trình xây dựng	4330
19.	Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác	4390

20.	Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác (trừ bán buôn xe có động cơ đã qua sử dụng qua đấu giá)	4511
21.	Bán lẻ ô tô con (loại 9 chỗ ngồi trở xuống)	4512
22.	Đại lý ô tô và xe có động cơ khác (trừ hoạt động đấu giá)	4513
23.	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác	4520
24.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác (trừ đấu giá phụ tùng ô tô và xe có động cơ khác)	4530
25.	Bán mô tô, xe máy (trừ đấu giá mô tô, xe máy loại mới và loại đã qua sử dụng)	4541
26.	Bảo dưỡng và sửa chữa mô tô, xe máy	4542
27.	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy (trừ đấu giá phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của mô tô, xe máy)	4543
28.	Đại lý, môi giới, đấu giá hàng hóa (trừ Hoạt động của các đấu giá viên)	4610
29.	Bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống	4620
30.	Bán buôn gạo, lúa mì, hạt ngũ cốc khác, bột mì	4631
31.	Bán buôn thực phẩm	4632
32.	Bán buôn đồ uống	4633
33.	Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép	4641
34.	Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình (Trừ bán buôn dược phẩm)	4649
35.	Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm	4651
36.	Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông	4652
37.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp	4653
38.	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác	4659
39.	Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan	4661
40.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (trừ hoạt động kinh doanh vàng miếng)	4662
41.	Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng	4663
42.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu	4669
43.	Bán buôn tổng hợp (trừ loại nhà nước cấm)	4690
44.	Bán lẻ lương thực trong các cửa hàng chuyên doanh	4721
45.	Bán lẻ thực phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4722
46.	Bán lẻ đồ uống trong các cửa hàng chuyên doanh	4723
47.	Bán lẻ sản phẩm thuốc lá, thuốc lào trong các cửa hàng chuyên doanh	4724

48.	Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh	4741
49.	Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh	4742
50.	Bán lẻ vải, len, sợi, chỉ khâu và hàng dệt khác trong các cửa hàng chuyên doanh	4751
51.	Bán lẻ thảm, đệm, chăn, màn, rèm, vật liệu phủ tường và sàn trong các cửa hàng chuyên doanh	4753
52.	Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh	4759
53.	Bán lẻ sách, báo, tạp chí văn phòng phẩm trong các cửa hàng chuyên doanh	4761
54.	Bán lẻ băng đĩa âm thanh, hình ảnh (kể cả băng, đĩa trắng) trong các cửa hàng chuyên doanh	4762
55.	Bán lẻ thiết bị, dụng cụ thể dục, thể thao trong các cửa hàng chuyên doanh	4763
56.	Bán lẻ trò chơi, đồ chơi trong các cửa hàng chuyên doanh	4764
57.	Bán lẻ hàng may mặc, giày dép, hàng da và giả da trong các cửa hàng chuyên doanh	4771
58.	Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ dược phẩm)	4772
59.	Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ vàng miếng, súng đạn, tem và tiền kim khí)	4773
60.	Bán lẻ hàng hóa đã qua sử dụng trong các cửa hàng chuyên doanh (trừ Hoạt động của đầu giá viên)	4774
61.	Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet (trừ Hoạt động đầu giá)	4791
62.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa (trừ kinh doanh bất động sản)	5210
63.	Bốc xếp hàng hóa	5224
64.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ	5225
65.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (trừ sắp xếp hoặc tổ chức các hoạt động vận tải đường không)	5229
66.	Bưu chính	5310
67.	Chuyển phát	5320
68.	Dịch vụ lưu trú ngắn ngày Chi tiết: Kinh doanh dịch vụ lưu trú (Điều 3 Nghị định số 96/2016/NĐ-CP)	5510
69.	Cơ sở lưu trú khác	5590
70.	Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động	5610

71.	Quảng cáo (trừ quảng cáo thuốc lá)	7310
72.	Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận	7320
73.	Hoạt động thiết kế chuyên dụng	7410
74.	In ấn	1811
75.	Dịch vụ liên quan đến in (trừ rập khuôn tem)	1812
76.	Đại lý du lịch	7911
77.	Điều hành tua du lịch	7912
78.	Dịch vụ đặt chỗ và các dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch	7990
79.	Dịch vụ hành chính văn phòng tổng hợp	8211
80.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác	8219
81.	Tổ chức giới thiệu và xúc tiến thương mại (trừ họp báo)	8230
82.	Giáo dục nhà trẻ	8511
83.	Đào tạo sơ cấp	8531
84.	Đào tạo trung cấp	8532
85.	Giáo dục thể thao và giải trí	8551
86.	Giáo dục văn hoá nghệ thuật	8552
87.	Giáo dục khác chưa được phân vào đâu (trừ dạy về tôn giáo; Các trường của các tổ chức Đảng, đoàn thể)	8559
88.	Hoạt động dịch vụ phục vụ hôn lễ	9633
89.	Dịch vụ hỗ trợ giáo dục Chi tiết: Tư vấn du học (Điều 106 Nghị định số 46/2017/NĐ- CP)	8560(Chính)
90.	Hoạt động tư vấn quản lý (trừ hoạt động Tư vấn và đại diện pháp lý; hoạt động vận động hành lang; hoạt động kế toán, kiểm toán)	7020

6. Vốn điều lệ: 500.000.000 VNĐ

7. Thông tin về chủ sở hữu:

Họ và tên: ĐOÀN HUYỀN TRANG

Giới tính: Nữ

Sinh ngày: 24/01/1996 Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196028064

Ngày cấp: 09/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1 phố 356, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 phố 356, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

8. Người đại diện theo pháp luật:

* Họ và tên: ĐOÀN HUYỀN TRANG

Giới tính: Nữ

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1996

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Thẻ căn cước công dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 001196028064

Ngày cấp: 09/09/2022

Nơi cấp: Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội

Địa chỉ thường trú: Số 1 phố 356, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: Số 1 phố 356, Phường Kim Mã, Quận Ba Đình, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội